

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

*Bắc Sơn, ngày 26 tháng 01 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên họp:* Ông Phạm Công Đức.

*Thư ký phiên họp:* Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên họp:* Bà Dương Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 111/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Dương Văn L, sinh năm 1989; trú tại: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Dương Thị O, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn Chí - Công chức Tư pháp hộ tịch xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2021); có mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu ngày 18 tháng 10 năm 2021, quá trình tố tụng người yêu cầu anh Dương Văn L trình bày:

Anh Dương Văn L kết hôn với chị Dương Thị O vào ngày 17/02/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2021 vợ chồng anh Dương Văn L phát sinh mâu thuẫn, anh Dương Văn L nghi ngờ chị Dương Thị O có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ

chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng anh Dương Văn L và chị Dương Thị O vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau được nữa. Chị Dương Thị O đã sống ly thân với anh Dương Văn L từ khoảng tháng 4/2021 cho đến nay. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn vào năm 2009 anh Dương Văn L đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng chị Dương Thị O chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn. Anh Dương Văn L cùng chị Dương Thị O đi đăng ký kết hôn nhưng anh L cũng không biết việc chị Dương Thị O chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn do trình độ hiểu biết, nhận thức về pháp luật còn thấp. Khi đó chị Dương Thị O đã khai tăng tuổi từ sinh ngày 15/03/1992 thành sinh ngày 15/03/1991 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau đó, anh Dương Văn L và chị Dương Thị O được Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 17/02/2009. Nay anh Dương Văn L xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật với chị Dương Thị O.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên là Dương Thị T, sinh ngày 19/7/2011 và Dương Văn P, sinh ngày 09/3/2016. Khi yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật anh Dương Văn L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Văn P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), còn chị Dương Thị O sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Thị T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị O có ý kiến như sau:*

Chị Dương Thị O kết hôn với anh Dương Văn L vào năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 17/02/2009. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chung sống với nhau tại thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng bình thường. Đến năm 2021 vợ chồng chị O phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh L thường xuyên mắng chửi chị O. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng chị Dương Thị O và anh Dương Văn L vẫn không thể chung sống, hàn gắn được nữa. Chị Dương Thị O đã sống ly thân với anh Dương Văn L từ tháng 4/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 2009 chị Dương Thị O chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn còn anh Dương Văn L đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình điều kiện kết hôn. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên Chị Dương Thị O đã khai tăng tuổi từ sinh năm 1992 thành sinh năm 1991 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Nay xác định tình cảm không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh Dương Văn L có yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật thì chị Dương Thị O cũng nhất trí và đề nghị Tòa

án giải quyết hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên là Dương Thị T, sinh ngày 19/7/2011 và Dương Văn P, sinh ngày 09/3/2016. Trường hợp Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật chị Dương Thị O nhất trí cho anh Dương Văn L được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Văn P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), còn chị Dương Thị O sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Thị T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có ý kiến như sau:*

Qua kiểm tra, rà soát sổ đăng ký kết hôn thấy rằng: Ủy ban nhân dân xã C đã thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 17/02/2009 cho vợ chồng anh Dương Văn L và chị Dương Thị O. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Dương Thị O đã tự khai sinh ngày 15/03/1992 lên thành sinh ngày 15/03/1991 để đủ tuổi đăng ký kết hôn với anh Dương Văn L. Cán bộ Tư pháp xã C căn cứ vào tờ khai đăng ký kết hôn của hai bên thấy chị Dương Thị O và anh Dương Văn L đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định, ngoài ra tại thời điểm đó chị Dương Thị O không cung cấp được Sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân nên Cán bộ Tư pháp xã C đã không kiểm tra kỹ ngày tháng năm sinh của chị Dương Thị O trước khi thực hiện đăng ký kết hôn. Nay qua đối chiếu với căn cước công dân, giấy khai sinh của chị Dương Thị O xác định được chị Dương Thị O có ngày tháng năm sinh đúng là ngày 15/03/1992 nên tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Dương Thị O chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Dương Thị O và anh Dương Văn L là không đúng. Nay anh Dương Văn L có yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật thì Ủy ban nhân dân xã C nhất trí và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật theo quy định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn tham gia phiên họp có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, được xem xét làm rõ tại phiên họp nhận thấy yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận: Tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Dương Văn L và chị Dương Thị O. Về con chung: có 02 người con chung tên là Dương Thị T, sinh ngày 19/7/2011 và Dương Văn P, sinh ngày 09/3/2016 đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa anh Dương Văn L và chị Dương Thị O; giao con chung Dương Văn P cho anh Dương Văn L được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ

18 tuổi), giao con chung Dương Thị T cho chị Dương Thị O được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị O và anh Dương Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

Về lệ phí: Anh Dương Văn L phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Người yêu cầu giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật là anh Dương Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị O cùng nơi cư trú tại Thôn T, xã C, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và cơ quan đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bắc Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi xem xét, giải quyết yêu cầu liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật thì Tòa án phải căn cứ vào quy định của Pháp luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để xác định việc kết hôn có trái pháp luật không”*. Anh Dương Văn L và chị Dương Thị O kết hôn ngày 17/02/2009 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét giải quyết.

#### **[2] Về nội dung vụ việc:**

Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Dương Văn L thấy rằng anh Dương Văn L và chị Dương Thị O tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12, ngày 17/02/2009.

Tại các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã C cung cấp: Tờ khai đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn; tài liệu do người yêu cầu cung cấp bao gồm: Sổ hộ khẩu gia đình; căn cước công dân; giấy khai sinh... Căn cứ bản khai của các đương sự; biên bản lấy lời khai trong hồ sơ việc dân sự xác định ngày tháng năm sinh chính xác của chị Dương Thị O sinh ngày 15/03/1992. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ việc các đương sự đã thừa nhận do thiếu hiểu biết pháp luật, hai bên đều có nguyện vọng đăng ký kết hôn nên chị Dương Thị O đã khai sai ngày tháng năm sinh nhằm đủ tuổi đăng ký kết hôn. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 17/02/2009) chị Dương Thị O mới 16 tuổi 11 tháng 02 ngày,

chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Đồng thời, căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/1/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình*”. Như vậy, anh Dương Văn L có yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung tên là Dương Thị T, sinh ngày 19/7/2011 và Dương Văn P, sinh ngày 09/3/2016, hiện cả hai con chung đang ở với anh Dương Văn L. Anh Dương Văn L và chị Dương Thị O thỏa thuận: Anh Dương Văn L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Văn P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị O được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Thị T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Thị T muốn được ở cùng chị Dương Thị O nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về tài sản chung: Anh Dương Văn L và chị Dương Thị O không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Dương Văn L phải chịu tiền lệ phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 16 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3, Điều 11, 12, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Dương Văn L: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Dương Văn L và chị Dương Thị O theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 17/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Dương Văn L và Chị Dương Thị O. Anh Dương Văn L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Văn P sinh ngày 09/3/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); chị Dương Thị O được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Dương Thị T sinh ngày 19/7/2011 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Dương Văn L và Chị Dương Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về lệ phí: Anh Dương Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Dương Văn L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu số AA/2021/0002648 ngày 15/11/2021. Anh Dương Văn L đã nộp xong lệ phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Viện kiểm sát cung cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã C, huyện B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Phạm Công Đức**